LILAMA EMC

MÃ CHỨNG KHOÁN: L35

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
(NĂM 2025)

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Digitally signed by CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2700224390, CN=CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA, S=Ninh Bình, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-03-27 11:12:33
Foxit Reader Version: 9.7.0

Ninh Bình, tháng 03 năm 2025

PHẦN I
THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2700224390, đăng ký lần đầu ngày 06/10/2006, Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30/10/2007, thay đổi lần 2 ngày 07/09/2011, thay đổi lần 3 ngày 26/03/2021, thay đổi lần 4 ngày 31/08/2021, thay đổi lần 5 ngày 13/02/2025, thay đổi lần 6 ngày 29/07/2025

- Vốn điều lệ: 32.651.550.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 32.651.550.000 đồng

- Địa chỉ: Số 72E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa lư, tỉnh Ninh Bình.

- Số điện thoại: 02293.871.125

- Số fax: 02293.873.074

- Website: www.lilamaemc.com.vn

- Mã cổ phiếu: L35

- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama được thành lập theo hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cơ khí lắp máy, thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 925/QĐ-BXD ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tiền thân của Công ty là Đội công trường Lắp máy trực thuộc Liên hiệp Lắp máy – Bộ Xây dựng, được thành lập năm 1978. Từ năm 1983 đổi thành "Xí nghiệp Cơ khí lắp máy" trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy – Bộ Xây dựng, theo Quyết định số 012A/BXD-TCLĐ ngày 27/01/1983 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ năm 1996, là "Công ty Cơ khí lắp máy" thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 05/BXD-TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Tháng 7/2007 Công ty trở thành công ty đại chúng.

- Tháng 3/2010 Công ty chính thức niêm yết và giao dịch 3.265.155 cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là L35.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (giao thông, thủy lợi, công nghiệp, đường điện, trạm biến áp, xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng).

+ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Khảo sát, tư vấn: Kết cấu dân dụng, công nghiệp; quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội - ngoại thất dân dụng, công nghiệp; cấp điện ngành nông nghiệp; chế tạo thiết bị máy cơ khí. Kiểm tra mối hàn (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại.

+ Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.

+ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

+ Sản xuất các cấu kiện kim loại.

+ Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm).

+ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

+ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

+ Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.

+ Đại lý.

+ Lắp đặt hệ thống điện.

+ Sản xuất thiết bị điện khác (cơ, điện).

+ Sửa chữa máy móc, thiết bị.

+ Bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

+ Hoàn thiện công trình trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất.

+ Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

+ Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.

+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

+ Sản xuất hóa chất cơ bản (khí công nghiệp).

+ Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (khí công nghiệp).

+ Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Công ty tham gia thi công các công trình dự án trong phạm vi cả nước. Trong năm 2025 các dự án thi công chính bao gồm: Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2 – tỉnh Hà Tĩnh, Nhà máy gạch công nghệ cao Mai thanh – tỉnh Quảng Trị, nhà máy xi măng Xuân Sơn – tỉnh Phú Thọ, Sữa chữa nhà máy Đạm Ninh Bình – tỉnh Ninh Bình, nhà máy Tận dụng khí thải để phát điện xi măng Hà Tiên – tỉnh Đồng Nai và một số đơn hàng trên địa bàn các tỉnh phía bắc.

3. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc; Ban kiểm soát.

3.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty như sau:

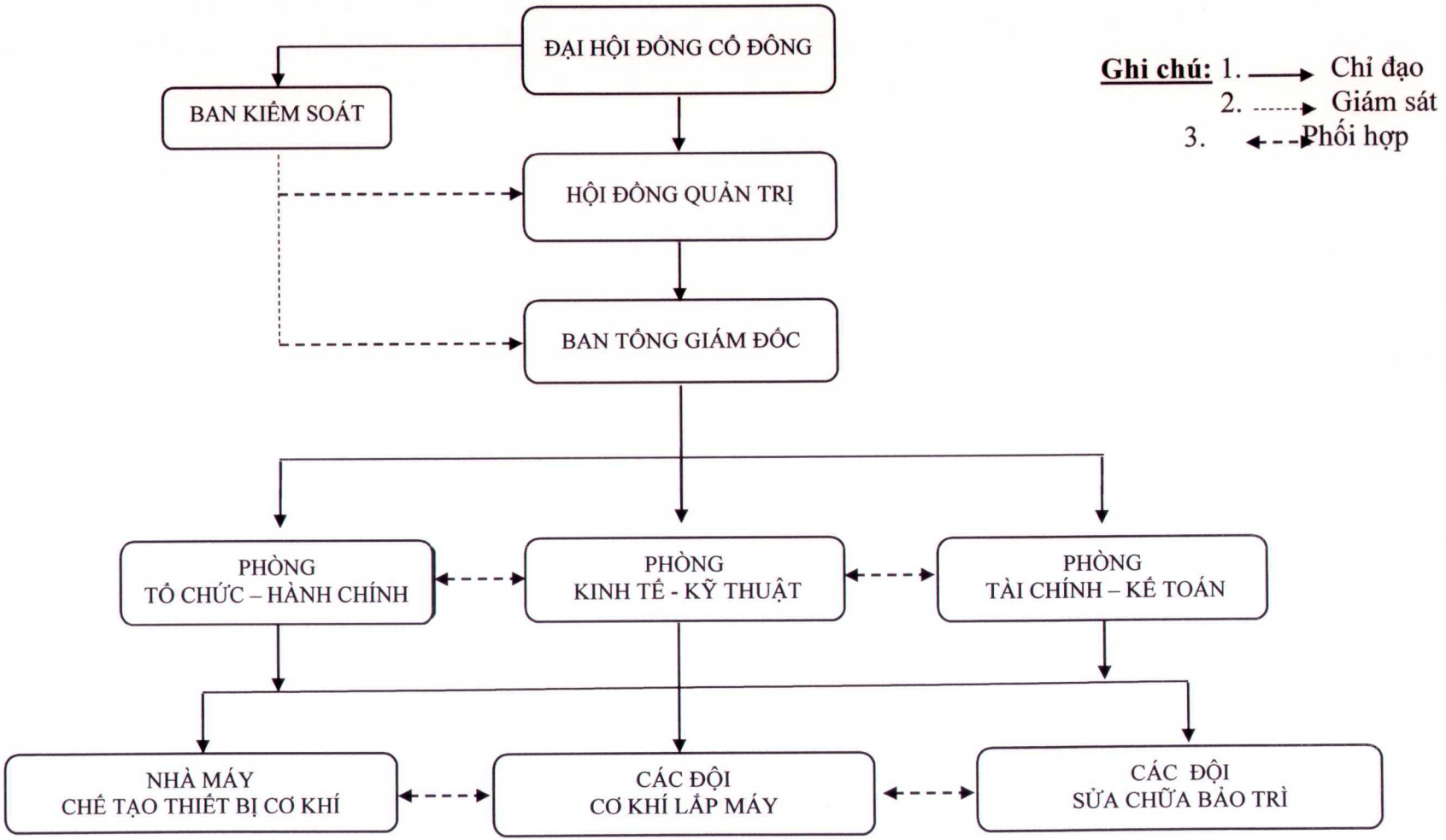

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

(1) Mục tiêu tổng quát:

Tận dụng, phát huy tối đa lợi thế hiện có của Công ty và giá trị thương hiệu LILAMA để củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất, tạo ra sự thay đổi về chất, tăng cường sức cạnh tranh, tạo dựng vị thế và xây dựng Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama trở thành nhà thầu có thế mạnh về xây lắp, chế tạo thiết bị cơ khí tại các dự án công nghiệp trong nước.

(2) Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2025 – 2026 duy trì hoạt động sản suất kinh doanh, nâng dần doanh thu, phấn đấu tăng trưởng doanh thu hàng năm đạt mức tối thiểu 10%.

- Kế hoạch Doanh thu năm 2026 trong cơ cấu doanh thu không có tỉ trọng thuộc Tổng công ty LILAMA (hiện tại đã hết các Hợp đồng), do đó Công ty tự tìm kiếm từ thị trường bên ngoài. Kế hoạch các năm tiếp theo tích cực tham gia vào các dự án do LILAMA làm thầu chính, đồng thời mở rộng thị trường do công ty trực tiếp ký kết với vai trò độc lập,

- Tăng thị phần và doanh thu phần dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và chế tạo thiết bị thay thế ở các nhà máy nhiệt điện, xi măng, hóa chất, nhà máy sản xuất phân đạm... Chú trọng thị trường các nhà máy, công trình trong khu vực tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Giai đoạn 2025 - 2026:

+ Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển, tạo tiền đề để Công ty hoạt động chuyên sâu trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất thi công, bảo trì và sửa chữa các dự án nhiệt điện, hóa chất bên cạnh các thị trường xi măng ..., tạo lợi thế cạnh tranh đối với các dự án trong nước với vai trò nhà thầu độc lập.

+ Giảm nợ gốc vay Ngân hàng, giảm nợ thuế và BHXH.

- Giai đoạn: 2027 -2030:

+ Doanh thu: đạt trên 100 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận: đảm bảo tối thiểu hòa vốn và có lãi.

+ Cơ cấu lao động, năng suất: tỷ lệ lao động gián tiếp chiếm <15%; năng suất bình quân đạt từ 500 triệu đồng/người/năm.

+ Hoàn thành việc thanh toán nợ ngân hàng; không nợ thuế; giảm dư nợ BHXH về mức thấp hơn 2025.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

+ Đảm bảo việc làm cho CBCNV, phấn đấu mức thu nhập bình quân hàng tháng từ hiện nay lên 13.000.000 đồng/người/tháng.

+ Cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện nơi ăn ở, sinh hoạt của CBCNV trực tiếp thi công tại các công trình.

+ Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng và kích thích sản xuất phát triển.

+ Chăm lo sức khoẻ cho người lao động, mua BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ; đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời, chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV; tích cực tham gia các phong trào xã hội từ thiện và các hoạt động xã hội khác.

+ Đầu tư công nghệ, tổ chức sản xuất theo hướng tiết kiệm và tái sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng, nước... sử dụng nhiên liệu thân thiện để bảo vệ môi trường.

+ Tích cực tham gia, thực hiện tốt các chính sách xã hội.

5. Các rủi ro

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tác động trực tiếp từ tình hình chung của sự bất ổn chính trị trên thế giới làm giá nhiên liệu tăng cao bất thường ảnh hưởng tới nền kinh tế trong nước như: chính sách tiền tệ, tình trạng lạm phát, biến động giá cả vật tư nguyên liệu đầu vào, tình hình đầu tư và tiến độ xây dựng các dự án, chính sách phát triển lĩnh vực cơ khí của đất nước.

Trong hoạt động xây lắp, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như phê duyệt thanh quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất nhiều thời gian, dẫn tới tình trạng khối lượng công việc dở dang nhiều, hạch toán kế toán không kịp thời.

Việc giải ngân, thanh toán thường chậm do khó khăn từ việc thu xếp vốn của chủ đầu tư, thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Biến động nguồn nhân lực tương đối lớn do đặc thù hoạt động của nghành, người lao động phải trực tiếp tham gia thi công trên các công trường dự án, điều kiện sinh hoạt, đi lại của CBCNV gặp nhiều khó khăn…

PHẦN II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động Sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động SXKD năm 2025:

Một số chỉ tiêu chủ yếu về SXKD năm 2025:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% TH 2025/ KH 2025
1	Doanh thu	Tr. đồng	82.415,00	48.361,68	58,68%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	(1.000,00)	(998,21)	98,02%
3	Vốn điều lệ	Tr. đồng	32.651,55	32.651,55	100,00%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr. đồng	5.000,00	4.149,02	82,98%
5	Đầu tư XDCB và mua sắm PTTB	Tr. đồng	500,00	346,73	69,34%

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn nhiều khó khăn, doanh thu trong năm đạt chỉ 48,36 tỉ đồng, bằng 58,68% Kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do các công trình chuyển tiếp từ năm 2024 sang 2025 còn ít, chỉ là 21,4 tỉ đồng.

Trong khi đó hợp đồng ký mới trong quý 1, quý 2 và quý 3 đạt thấp, chỉ là 10,6 tỉ đồng. Đến quý 4/2025 tình hình có phần khởi sắc hơn khi ký kết hợp đồng mới được 94,7 tỉ đồng, gồm: Nhà máy gạch công nghệ cao Mai Thanh, Nhiệt khí thải xi măng Hà Tiên và Nhà máy xi măng Xuân Sơn giai đoạn 2. Tuy nhiên, do thời gian thi công ngắn nên khối lượng hoàn thành trong năm 2025 chưa nhiều, không đủ bù đắp cho phần doanh thu thiếu hụt so với kế hoạch đề ra

Bên cạnh đó, chi phí sản xuất còn cao, nguồn nhân lực rất hạn chế; máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển đã cũ, hỏng hóc nhiều nên phải sửa chữa thường xuyên... làm giảm hiệu quả SXKD của Công ty.

Tuy vậy, Công ty cũng đã có nhiều giải pháp khắc phục khó khăn để đáp ứng tiến độ thi công tại các dự án, tăng cường năng lực gia công chế tạo tại Nhà máy KCT, cải thiện một phần năng suất lao động, đẩy mạnh công tác thu hồi vốn... vì thế Công ty vẫn duy trì được hoạt động sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành:

(1)Tổng giám đốc: **Hoàng Thế Bình**

Số CCCD: 040079001077 do Cục CS quản lý hành chính về TTXH cấp ngày 01/05/2021

Ngày tháng năm sinh	:	16/02/1977 Giới tính: Nam
Quê quán	:	Hưng Thịnh, Hưng Nguyên, Nghệ An
Quốc tịch	:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	:	Khu Đô Thị Nam La Khê, La Khê, Hà Đông, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ Cơ khí
Chức vụ hiện nay (nếu có)	:	Tổng giám đốc Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama
Quá trình công tác	:	
+ Từ 01/2003 – 06/2012	:	Kỹ sư, Phòng Kinh tế Kỹ thuật, Tổng công ty LILAMA;
+ Từ 07/2012 – 01/2021	:	Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật, Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama;
+ Từ 02/2021 – 08/2021	:	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama.
+ Từ 09/2021 – nay	:	Tổng giám đốc Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama
+ Từ 11/2021 – nay	:	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần = 0%;
- Đại diện sở hữu cổ phần của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam: 522.425 cổ phần = 16%

(2) Phó Tổng giám đốc: **Nguyễn Giang Nam**

Số CMND/CCCD	:	019069000101 cấp ngày 18/3/2017 tại Ninh Bình
Ngày tháng năm sinh	:	29/09/1969 - Giới tính: Nam
Quê quán	:	An Mỹ - Bình Lục - Hà Nam
Quốc tịch	:	Việt Nam - Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Phố Phúc Sơn - Phường Thanh Bình - Tp.Ninh Bình

Trình độ văn hoá : 10/10 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác :

Từ 1986 – 1989	:	Nhập ngũ E250, Bộ tư lệnh thông tin
Từ 1989 – 1991	:	Học nghề tại Trường nghề Lilama 1
Từ 1992 - 2006	:	Công nhân Kỹ thuật - Nhà máy Chế tạo thiết bị & Kết cấu thép
Từ 2001 – 2006	:	Học tai chức nghành Cơ khí – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Từ 2006 – 2007	:	Kỹ sư - Công ty Cơ khí Lắp máy - TX Ninh Bình
Từ 2007 – 2010	:	Phó Giám đốc Nhà máy Chế tạo thiết bị KCT (trực thuộc Cty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama)
Từ 2010 - 2019:		Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama
Từ 7/2019 – nay :		Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 6.060 cổ phần = 0,18%

(3)Kế toán trưởng:**Nguyễn Mạnh Hưởng**

Chứng minh nhân dân/CCCD: 025082000674 ngày cấp 02/07/2018 nơi cấp Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Ngày sinh tháng năm sinh: 14/01/1982 - Giới tính: Nam

Quê quán	:	Trường Thịnh, TX Phú Thọ, Phú Thọ
Quốc tịch	:	Việt Nam - Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú	:	P 808 Nhà No1, Số 282 Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 11/2004 - 04/2017:	Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
+ Từ 04/2017 - nay:	Kế toán trưởng – Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần = 0%;
- Đại diện sở hữu cổ phần của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam: 489.773 cổ phần = 15%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Không

2.3.Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động bình quân năm 2025 là: 98 người

- Chính sách đối với người lao động:

+ Về tiền lương: Tiền lương đối với CBCNV được thực hiện theo Quy chế lương áp dụng thống nhất trong toàn công ty. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương sản phẩm theo hợp đồng khoán phù hợp với khối lượng công việc hoàn thành trong tháng, gắn năng suất và hiệu quả công tác với thu nhập được hưởng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo trình độ, năng lực và hiệu quả thực hiện công việc được giao.

+ Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành công việc tốt nhất. Công ty đã triển khai và cử đi đào tạo tập trung tại các cơ sở đào tạo. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo, thi nâng cao tay nghề, nâng bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

+ Về chính sách khen thưởng: Công ty thực hiện chính sách khen thưởng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc; đồng thời áp dụng các quy định về trách nhiệm vật chất đối với các hành vi làm thiệt hại tài sản, kỷ luật lao động đối với các vi phạm.

+ Công tác chăm lo đời sống đối với CBCNV: Công ty luôn quan tâm, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Thường xuyên đầu tư cơ sở vật chất để cải thiện điều kiện sinh hoạt và làm việc cho CBCNV trên các công trường, nhà máy...

+ Tuân thủ các quy định của Nhà nước về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nâng lương, nâng bậc hằng năm, các chế độ ốm đau, nghỉ phép, nghỉ lễ...

+ Thực hiện chế độ trợ cấp cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn kịp thời, đúng đối tượng.

+ Thực hiện chính sách hỗ trợ vùng miền, hỗ trợ đi lại đối với CBCNV làm việc tại các dự án xa trụ sở Công ty.

+ Công tác BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn lao động: 100% lao động làm việc theo hợp đồng từ trên 1 tháng được tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN. Các chế độ chính sách đối với người lao động được công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Kế hoạch đầu tư năm 2025 đề ra là 500 triệu đồng. Do các phương tiện thế chấp ngân hàng đang trong tình trạng không gia hạn được giấy phép hoạt động nên Công ty đã buộc phải mua sắm 01 ô tô con 5 chỗ đã qua sử dụng để phục vụ công việc với số tiền là: 346,73 triệu đồng (bằng 69,34% so với kế hoạch).

Công ty đang tiếp tục phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Ninh Bình về việc di dời cơ sở sản xuất của Công ty ra khỏi trung tâm Thành phố Ninh Bình, đảm bảo quyền vào lợi ích của công ty và đúng quy định của pháp luật.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	181,389,693,404	186,545,604,065	102.84%
2	Doanh thu thuần	67,939,382,540	48,361,682,955	71.18%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3,689,433,887	3,563,674,948	96.59%

4	Lợi nhuận khác	-752,187,857	-386,001,175	51.32%
5	Lợi nhuận trước thuế	-1,481,439,872	-998,206,658	67.38%
6	Lợi nhuận sau thuế	-1,492,747,472	-998,206,658	66.87%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1	*Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:*			
a	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0.99	0.98	
b	Hệ số thanh toán nhanh (TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0.59	0.94	
2	*Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:*			
a	Hệ số nợ (Nợ phải trả /Tổng tài sản)	0.97	0.97	
b	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu (Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu)	29.05	36.03	
3	*Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:*			
a	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	0.89	0.63	
b	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/tổng tài sản)	0.37	0.26	
4	*Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:*			
a	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0.02	-0.02	
b	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0.25	-0.20	
c	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0.01	-0.01	
d	LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	0.05	0.07	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần 3.265.155 (cổ phần)
- Trong đó: Cổ phần phổ thông: 3.265.155 (cổ phần)

5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Phân loại	Số lượng cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ
1	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu			
	a) Cổ đông lớn	3	2.228.539	68,25%
	b) Cổ đông nhỏ	467	1.036.616	31,75%
2	Phân loại theo tổ chức, cá nhân			
	a) Cá nhân	465	1.599.788	48,99%
	b) Tổ chức	5	1.665.367	51,01%
3	Phân loại theo trong nước, ngoài nước			
	a) Trong nước	469	3.264.955	99,99%
	b) Ngoài nước	1	200	0,01%
4	Phân loại theo cổ đông Nhà nước, cổ đông khác			
	a) Nhà nước (Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữa trên 51% vốn Điều lệ)	1	1.665.229	51%
	b) Cổ đông khác	446	1.599.926	49%

(Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán - NĐKCC là 10/06/2024)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1. Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Chưa có thống kê

6.2. Quản lý nguồn vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm: 126,4 tấn gồm sắt thép và nguyên vật liệu khác phục vụ chế tạo các thiết bị cơ khí.

b) Khoảng 1% nguyên vật liệu trong năm được tái chế, tái sử dụng.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 105.474 Kwh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiết kiệm khoảng 1,5 % tổng năng lượng sử dụng thông qua chương trình tiết kiệm, tiết giảm chi phí chung.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Chủ yếu sử dụng nước do các Công ty nước sạch cung cấp để phục vụ mục đích sinh hoạt cho CBCNV tại văn phòng và các đơn vị sản xuất, trong năm sử dụng 1.394 m3 nước sinh hoạt.

b) Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 1%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền bị xử phạt: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân 98 người, mức lương bình quân 12,733 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, tăng hiệu quả sản xuất để tăng thu nhập chính đáng cho người lao động, thực hiện quy chế khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp định kỳ và đột xuất.

- Cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện nơi ăn ở, sinh hoạt của CBCNV trực tiếp thi công tại các công trình.

- Chăm lo sức khoẻ cho người lao động bằng việc cung cấp vật tư thiết bị y tế và tổ chức mạng lưới cán bộ phụ trách y tế từ công ty đến các đơn vị, bố trí công việc phù hợp với tình trạng sức khỏe, mua BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ.

c) Hoạt động đào tạo:

- Khóa đào tạo cấp chứng chỉ: Đào tạo về hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015

- Đào tạo về hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018

- Tổ chức huấn luyện theo các đợt thi nâng bậc lương hằng năm theo quy định.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của địa phương, tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn, bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan.

- Chủ động và tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện tại địa phương.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

Phần III
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	Tỷ lệ %
1	Doanh thu	Tỷ đồng	48,36	67,93	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(0,99	(1,48)	
3	Nộp Ngân sách (số phải nộp)	Tỷ đồng	4,15	3,55	
4	Cổ tức thực hiện	%	-	-	
5	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	0,35	0,27	

a) Một số mặt đạt được và có cải thiện:

- An ninh, an toàn lao động cơ bản được đảm bảo.

- Chế độ tiền lương hàng tháng được duy trì ổn định.

- Hoạt động chào thầu/chào giá được tăng cường, mở rộng, hiệu quả có cải thiện.

- Thanh quyết toán và thu hồi công nợ:

+ Đối với những công trình thực hiện trong năm cơ bản đáp ứng được tiến độ theo yêu cầu, khối lượng dở dang tồn đọng không lớn;

+ Đối với công tác thu hồi công nợ cũ: công ty đã vận dụng và kết hợp rất nhiều các giải pháp và quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ. Công ty đã đạt được thỏa thuận với Công ty TNHH Hương Hải Group, ngày 16/12/2025 theo đó từ tháng 12/2025 đến hết 31/12/2026 Công ty TNHH Hương Hải Group sẽ thanh toán công nợ hàng tháng 300 tr đồng. Năm 2027 thanh toán 360 triệu /năm và kết thúc số nợ ngày 31/12/2027

+ Thu hồi công nợ trong năm đạt trên 54,7 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách nhà nước đạt trên 4,1 tỉ đồng.

- Cơ bản đáp ứng đủ việc làm cho CBCNV, năng suất lao động bình quân tính trên doanh thu đạt trên 489 triệu đồng/người/năm; thu nhập bình quân đạt 12,773 triệu đồng/người/tháng.

b) Các mặt còn tồn tại, hạn chế:

- Doanh thu đạt 58,68% kế hoạch đề ra và lợi nhuận trước thuế là âm (0,998 tỉ).

- Tình hình tài chính: dư nợ vay lớn dẫn đến chi phí tài chính cao, nợ phải trả lớn, việc thanh toán các khoản nợ đến hạn... gặp rất nhiều khó khăn.

- Chưa thực hiện được cam kết rút ngắn thời hạn trả lương từ những năm trước, ảnh hưởng đến hiệu quả tuyển dụng, thu hút lao động và giữ chân người lao động.

- Dự nợ BHXH lớn, dẫn đến một số chế độ cho người lao động chưa giải quyết được một cách kịp thời.

- Thiếu hụt về nhân lực, đặc biệt là nhân lực có tay nghề cao, tình trạng lao động hiện tại phần lớn đã lớn tuổi dẫn đến năng xuất lao động thấp.

- Máy móc thiết bị lâu ngày, lạc hậu, chi phí sửa chữa lớn, làm giảm hiệu suất công việc thậm chí không đáp ứng được yêu cầu thi công hiện tại.

- Thanh toán tiền lương cho người lao động chưa kịp thời nên khó thu hút lao động mới, lao động có tay nghề cao.

- Một số dự án phải sử dụng lao động thuê ngoài (chủ yếu là lao động phổ thông, người địa phương) năng suất lao động thấp.

2. Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	**Cơ cấu tài sản**		
	+ Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	95,78%	94,57%
	+ Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	4,21%	5,43%
2	**Cơ cấu nguồn vốn**		
	+ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	97,29%	95,58%
	+ Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	2,71%	4,41%
3	**Hệ số khả năng sinh lời**		
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	-0.02	-0.02
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH	-0.25	-0.20
	+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	-0.01	-0.01
	+Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0.05	0.07
4	**Hệ số nợ và khả năng thanh toán**		
	+ Hệ số nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	36,03	29,05
	+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	1,03	1,04
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	0,99	0,98

Từ một số chỉ tiêu tài chính của công ty năm 2024 và 2025 cho thấy:

- Cơ cấu tài sản của công ty năm 2025 gần như không thay đổi so với năm 2024, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng so với cùng kỳ từ 94,57% năm 2024 lên 95,78% năm 2025, phần tăng này chủ yếu là tăng các khoản phải thu ngắn hạn.

- Về cơ cấu nguồn vốn thì nợ phải trả trên tổng nguồn vốn tăng với năm 2024 chủ yếu là phải trả người bán và phải trả khác tăng, trong khi nợ vay ngân hàng giảm.

- Về hệ số khả năng sinh lời của công ty năm 2025 không xác định do lợi nhuận trong năm 2025 âm.

- Hệ số nợ và khả năng thanh toán của công ty thấp hơn năm 2024.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trên cơ sở Luật Chứng khoán 2019, Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật mới có liên quan, ĐHĐCĐ thường niên 2021 đã ban hành Điều lệ sửa đổi, Quy chế quản

trị sửa đổi, Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS phù hợp với Pháp luật để thống nhất quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện cơ cấu sắp xếp lại tổ chức bộ máy các phòng ban để đảm bảo tinh gọn đầu mối quản lý phù hợp với tình hình SXKD;

- Rà soát sửa đổi bổ sung và ban hành mới một số quy chế nội bộ phù hợp với Điều lệ 2021 và pháp luật hiện hành;

- Tăng cường các biện pháp quản lý quản lý sản xuất, quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện máy móc thiết bị.

- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, tăng cường thu hồi nợ, thực hiện nhiều giải khắc phụ khó khăn về tài chính, dòng tiền để duy trì các hoạt động sản xuất thi công, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục định hướng xây dựng, phát triển Công ty trở thành đơn vị mạnh trong lĩnh vực Chế tạo & Lắp đặt thiết bị cơ điện các dự án Năng lượng, Hóa dầu, Hóa chất, Vật liệu xây dựng.

Nâng cao năng lực cạnh tranh, chuẩn hoá các hệ thống quản lý; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để thoả mãn toàn diện yêu cầu của khách hàng.

Tuy vậy, trong điều kiện tình hình tài chính hết sức khó khăn hiện tại, cùng với những tác động bất lợi như: biến động giá cả vật tư, nhiên liệu, hàng hóa; tình hình lạm phát, chính sách thắt chặt tiền tệ; nhân lực giảm sút; việc triển khai các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực hoạt động rất ít; cạnh tranh ngày càng gay gắt... Công ty xây dựng kế hoạch phù hợp và triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để vượt qua khó khăn, duy trì ổn định sản xuất, làm cơ sở nâng cao hiệu quả trong thời gian tới.

* Trong năm 2026 phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	% KH 2026/ TH 2025
1	Doanh thu	Tr. đồng	48.361,68	60.300,00	124,7%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	(998,21)	15,00	
3	Vốn điều lệ	Tr. đồng	32.651,55	32.651,55	100,0%
4	Nộp Ngân sách	Tr. đồng	4.149,02	4.000,00	96,4%
5	Đầu tư XDCB, MMTB	Tr. đồng	346,73	500,00	144,2%

* Một số giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch SXKD 2026:

(a) Công tác thị trường:

- Tiếp tục cải tiến quy trình chào thầu, chào giá; tăng cường chất lượng và hiệu quả công tác mở rộng thị trường.

- Nâng mục tiêu mở rộng thị trường trong năm 2026, ký kết mới các hợp đồng mới đảm bảo thực hiện đạt doanh thu năm và có chuyển tiếp cho năm 2027.

(b) Sản xuất, thi công:

- Tập trung hoàn thiện bàn giao dự án xi măng Hoàng Long – Hòa Bình, đẩy nhanh tiến độ thi công tại dự án nhà máy gạch công nghệ cao Mai Thanh, dự án nhiệt dư xi măng Hà Tiên, tập trung tốt nhân lực, thiết bị máy móc thi công đáp ứng tiến độ tại dự án xi măng Xuân Sơn – công đoạn nghiền xi măng… Tập trung nguồn lực, nhân lực sẵn sàng cho công tác thi công sửa chữa tại nhà máy Đạm Ninh Bình và các công trình/dự án mới khi có kế hoạch.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất; đảm bảo tiến độ, chất lượng thi công; tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động.

- Tập trung thanh quyết toán dự án đã hoàn thành và thu hồi công nợ.

- Tăng cường công tác an toàn thi công và đảm bảo an ninh tài sản.

(c) Tổ chức bộ máy:

- Hoàn thiện, nâng cao năng lực vận hành bộ máy quản lý, các đơn vị sản xuất trực thuộc tiếp tục đề xuất các giải pháp phù hợp với các nhiệm vụ thi công và đảm bảo tinh gọn, hiệu quả.

- Chuẩn bị tốt nguồn nhân lực để đáp ứng cho sản xuất.

- Ưu tiên nguồn tài chính để giải quyết các chế độ cho lao động đang trực tiếp thi công tại các công trình/dự án, rút ngắn thời gian trả lương. Đảm bảo mức lương của CBCNV phù hợp mặt bằng.

(d) Tài chính:

- Xây dựng kế hoạch, giải pháp về tài chính để khắc phục các khó khăn, đáp ứng dòng tiền cho sản xuất kinh doanh, trả lương cho người lao động và thực hiện các cam kết với cơ quan thuế, BHXH, ngân hàng, khách hàng...

- Tiếp tục triển khai quyết liệt công tác thu hồi vốn.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn quan tâm và có trách nhiệm thực hiện tốt các quy định của Nhà nước, của địa phương và các KCN trong việc bảo vệ môi trường. Hoạt động sản xuất thi công tại Nhà máy và Công trường đảm bảo các tiêu chí bảo vệ môi trường, đặc biệt là sử dụng tiết kiệm và xử lý nước thải, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm và tái sử dụng vật tư nguyên liệu, đảm bảo cảnh quan khu sản xuất với hệ thống cây xanh, khống chế tốt khí bụi, tiếng ồn...

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và người lao động, coi trọng nhân tố con người. Đưa mục tiêu bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập, bảo vệ sức khỏe, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động thành một trong những mục tiêu hàng đầu trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Luôn xác định trách nhiệm của công ty đối với các vấn đề của xã hội, cộng đồng, địa phương.

Phần VI
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Về sản xuất kinh doanh:

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn nhiều khó khăn, doanh thu trong năm đạt chỉ 48,36 tỉ đồng, bằng 58,68% Kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do các công trình chuyển tiếp từ năm 2024 sang 2025 còn ít, chỉ là 21,4 tỉ đồng. Trong khi đó hợp đồng ký mới trong quý 1, quý 2 và quý 3 đạt thấp, chỉ là 10,6 tỉ đồng. Đến quý 4/2025 tình hình có phần khởi sắc hơn khi ký kết hợp đồng mới được 94,7 tỉ đồng, gồm: Nhà máy gạch công nghệ cao Mai Thanh, Nhiệt khí thải xi măng Hà Tiên và Nhà máy xi măng Xuân Sơn giai đoạn 2. Tuy nhiên, do thời gian thi công ngắn nên khối lượng hoàn thành trong năm 2025 chưa nhiều, không đủ bù đắp cho phần doanh thu thiếu hụt so với kế hoạch đề ra.

Bên cạnh đó, chi phí sản xuất còn cao, nguồn nhân lực rất hạn chế; máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển đã cũ, hỏng hóc nhiều nên phải sửa chữa thường xuyên... làm giảm hiệu quả SXKD của Công ty.

Tuy vậy, Công ty cũng đã có nhiều giải pháp khắc phục khó khăn để đáp ứng tiến độ thi công tại các dự án, tăng cường năng lực gia công chế tạo tại Nhà máy KCT, cải thiện một phần năng suất lao động, đẩy mạnh công tác thu hồi vốn... vì thế Công ty vẫn duy trì được hoạt động sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

1.2. Về tình hình tài chính:

Tình hình tài chính vẫn còn khó khăn, lợi nhuận âm, doanh thu thực hiện rất thấp trong khi nợ tín dụng, bảo hiểm và nợ khách hàng đều lớn.

Mặc dù công tác thu hồi công nợ đã được tăng cường và có cải thiện, tuy nhiên nợ phải thu còn lớn. Nhiều khoản phải thu tại các dự án đã hoàn thành nhưng việc thu hồi còn vướng mắc, chưa khắc phục được. Công ty đã chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính, thu chi để đáp ứng cho sản xuất ngắn hạn và thực hiện các cam kết với tổ chức tín dụng, cơ quan Thuế, Bảo hiểm, khách hàng.

1.3. Về đầu tư:

Kế hoạch đầu tư năm 2025 đề ra là 500 triệu đồng. Do các phương tiện thế chấp ngân hàng đang trong tình trạng không gia hạn được giấy phép hoạt động nên Công ty đã buộc phải mua sắm 01 ô tô con 5 chỗ đã qua sử dụng để phục vụ công việc với số tiền là: 346,73 triệu đồng (bằng 69,34% so với kế hoạch).

1.4. Về lao động và việc làm:

Cả năm 2025, việc làm cho người lao động được đảm bảo, năng suất lao động được cải thiện, thu nhập bình quân tăng. Tuy nhiên, số nhân lực của Công ty rất ít và không ổn định, hiệu quả sử dụng và khả năng thu hút, giữ chân lao động còn hạn chế.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc

Trong điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị và tập trung thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của HĐQT;

Ban Tổng giám đốc đã bám sát kế hoạch SXKD hàng quý của HĐQT để tổ chức thực hiện; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; báo cáo HĐQT kịp thời khi được yêu cầu.

Kết quả SXKD năm 2025, các chỉ tiêu SXKD chính không hoàn thành kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Ngoài các nguyên nhân khách quan, còn có trách nhiệm của Ban điều hành, trách nhiệm của từng thành viên HĐQT theo lĩnh vực được phân công

Một số nhiệm vụ Ban điều hành cần phải tập trung thực hiện trong thời gian tới, chủ yếu gồm: Cơ cấu lại các khoản vay tín dụng, nợ khách hàng, tập trung thu hồi nợ, tiết giảm chi phí, từng bước khắc phục khó khăn về tài chính; Mở rộng thị trường; Tăng cường quản lý sản xuất, cải thiện chế độ lao động; Duy trì sản xuất, từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động SXKD trong thời gian tới.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

(1) HĐQT tích cực thực hiện chức năng kiểm tra, tăng cường giám sát để đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ Điều lệ/Quy chế nội bộ và luật pháp. Thực hiện tốt hơn nữa công tác kế hoạch và định hướng (xây dựng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư...), duy trì các phiên họp định kỳ, thực hiện tốt công tác tổ chức cán bộ và nâng cao hiệu quả công tác quản trị.

(2) Chỉ đạo Ban điều hành tích cực đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả quản lý điều hành hoạt động SXKD của Công ty. Cần tập trung:

- Xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng giai đoạn (quý/tháng) gồm: kế hoạch SXKD, kế hoạch dòng tiền, kế hoạch chiếm lĩnh mở rộng thị trường, công tác tuyển dụng đào tạo nhân lực; đề ra các giải pháp cụ thể, phân công và tổ chức thực hiện quyết liệt để hoàn thành kế hoạch đề ra cho từng giai đoạn;

- Đẩy mạnh công tác chào thầu, chào giá, tính toán kỹ lưỡng để có giá cạnh tranh, tạo cơ hội có thêm hợp đồng/việc làm bổ sung cho năm 2026 và năm tiếp theo.

- Quyết liệt công tác thu hồi vốn, đẩy mạnh biện pháp pháp lý đối với các đơn vị có khoản nợ lâu, khó đòi. Sớm có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, tăng cường kiểm soát chi phí, đảm bảo cân đối chi tiêu, cải thiện tình hình tài chính.

(3) Thành viên HĐQT trên cơ sở các lĩnh vực đã được phân công trong HĐQT, tăng cường vai trò và trách nhiệm, hỗ trợ tối đa cho Ban điều hành để thực hiện tốt Kế hoạch SXKD năm 2026.

(4) Tiếp tục rà soát và kịp thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Điều lệ 2025 và pháp luật hiện hành.

(5) Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, triển khai Dự án di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi trung tâm nội đô tỉnh Ninh Bình theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, phù hợp với tiến độ triển khai của tỉnh Ninh Bình.

(6) Tiếp tục thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, công bố thông tin và công tác quan hệ cổ đông theo quy định.

Phần V
QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	**Nguyễn Văn Triều**	Chủ tịch HĐQT Công ty	Cá nhân: 0	-
			Đại diện TCT Lilama: 653.031	20%
2	**Hoàng Thế Bình**	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	Cá nhân: 0	-
			Đại diện TCT Lilama: 552.425	16%
3	**Nguyễn Mạnh Hưởng**	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	Cá nhân: 0	-
			Đại diện TCT Lilama: 489.773	15%
4	**Ngô Quốc Thịnh**	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 326.600	10%
5	**Dương Thanh Phương**	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 0	0%

1.1. Thành viên và cơ cấu HĐQT:

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban, HĐQT phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo dõi các mặt và lĩnh vực hoạt động của công ty. Các thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo những vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách tại các kỳ họp HĐQT.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2025 Hội đồng quản trị đã thực hiện vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định và hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc. Tại các phiên họp, HĐQT ban hành Nghị quyết, đưa ra những định hướng, các giải pháp phù hợp, kịp thời để chỉ đạo hoạt động SXKD.

a) Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Triều	5	5/5	
2	Ngô Quốc Thịnh	5	5/5	
3	Dương Thanh Phuong	4	3/5	Trúng cử 24/04/2025
4	Hoàng Thế Bình	5	5/5	

5	Nguyễn Mạnh Hưởng	5	5/5	

b) Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	170/NQ-HĐQT/2025	14/02/2025	Thông qua chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025	4/4
			Kết quả SXKD và đầu tư năm 2024. Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2025.	4/4
			Báo cáo của HĐQT	4/4
			Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2024	4/4
			Tờ trình phân phối kết quả sản xuất năm 2024	4/4
			Báo cáo của Ban kiểm soát	4/4
			Tờ trình thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2025	4/4
			Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025	4/4
2	171/NQ-HĐQT/2025	14/03/2025	Thông qua ước thực hiện kết quả SXKD quý 1 năm 2025 và Kế hoạch SXKD quý 2 năm 2025	3/4
			Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán	3/4
			Bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty	4/4
			Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	3/4

3	172/NQ-HĐQT/2025	14/03/2025	Tiền lương năm 2024 và Kế hoạch lao động tiền lương năm 2025	4/4
4	173/NQ-HĐQT/2025	28/04/2025	Miễn nhiệm Thư ký và bổ nhiệm Thư ký mới	4/5
5	174/NQ-HĐQT/2025	22/05/2025	Thông qua kết quả SXKD quý 01/2025	3/5
			Thông qua báo cáo tài chính quý 1/2025	3/5
			Thông qua ước thực hiện kế hoạch SXKD quý 02/2025 và kế hoạch SXKD quý 3/2025	3/5
			Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT	5/5
6	175/NQ-HĐQT/2025	19/08/2025	Thông qua kết quả SXKD quý 02/2025	3/5
			Thông qua báo cáo tài chính quý 2/2025	3/5
			Thông qua kế hoạch SXKD quý 03/2025	3/5
			Thông qua kế hoạch SXKD quý 04/2025	2/5
7	176/NQ-HĐQT/2025	11/12/2025	Thông qua kết quả SXKD quý 03/2025	3/5
			Thông qua báo cáo tài chính quý 3/2025	3/5
			Thông qua ước thực hiện SXKD quý 04/2025	3/5
			Thông qua SXKD năm 2026; ước thực hiện quý 01/2025	3/5

8	177/NQ-HĐQT/2025	11/12/2025	Thông qua chủ trương đầu tư mua sắm ô tô con theo Tờ trình số 169/TTr-KTKT của TGĐ ký ngày 09/12/2025	3/5

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, không điều hành:

- Tham dự các phiên họp HĐQT, đề xuất các ý kiến, thảo luận và biểu quyết các vấn đề tại các phiên họp HĐQT.
- Thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên HĐQT;
- Tuân thủ việc phân công trong nội bộ HĐQT về quản lý, giám sát các lĩnh vực hoạt động của công ty;
- Kịp thời có ý kiến với Ban giám đốc và HĐQT liên quan đến quyền của cổ đông.

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Lại Việt Tân	Trưởng BKS	-	-	Bổ nhiệm 29/04/2021
2	Lê Tuấn Minh	Thành viên	761	0,029	Được bầu từ 24/04/2025
3	Trần Thị Như Quỳnh	Thành viên	-	-	Được bầu từ 29/04/2021

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát tổ chức các phiên họp định kỳ 02 lần/năm để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và quy định của Pháp luật.

- Tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT, có ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản về các nội dung có liên quan.Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn về giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực,minh bạch mọi mặt hoạt động của Công ty.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty. Đồng thời BKS đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và BKS

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

(Đơn vị tính: đồng/năm)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thù lao, lợi ích
1	Nguyễn Văn Triều	Chủ tịch HĐQT	172.000.000
2	Ngô Quốc Thịnh	Thành viên HĐQT	36.000.000
3	Dương Thanh Phương	Thành viên HĐQT	24.000.000
4	Hoàng Thế Bình	Thành viên HĐQT, TGĐ	280.572.586
5	Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng giám đốc	199.504.391
6	Nguyễn Mạnh Hưởng	Thành viên HĐQT, KTT	220.732.896
7	Lại Việt Tân	Trưởng Ban Kiểm soát	36.000.000
8	Trần Thị Như Quỳnh	Thành viên BKS	24.000.000
9	Trần Thị Minh Phượng	Thành viên BKS	8.000.000
10	Lê Tuấn Minh	Thành viên BKS	16.000.000
	Tổng cộng		**1.016.809.873**

- Các khoản lợi ích khác: Không

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

a) Những hoạt động đã triển khai:

- Thực hiện chức năng quản trị và giám sát các mặt hoạt động.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ để tổng kết đánh giá kết quả và xây dựng kế hoạch SXKD cho từng quý, ban hành nghị quyết, đưa ra những định hướng và các giải pháp để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Phân công từng thành viên theo dõi các lĩnh vực hoạt động của công ty. Các thành viên HĐQT theo nhiệm vụ được phân công đã thực hiện chức năng giám sát thường xuyên, kịp thời có ý kiến với ban điều hành trong các vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ họp HĐQT.

b) Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị:

- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp;

- Giám sát việc thực hiện Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty; kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;

- Hội đồng quản trị hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong hội đồng quản trị cần phải nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao;

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

c)Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty, nguyên nhân và giải pháp thực hiện: Chưa đảm bảo số lượng thành viên độc lập theo quy định. Nguyên nhân do việc giới thiệu nhân sự ứng cử và bầu HĐQT phụ thuộc vào quyền giới thiệu và biểu quyết của cổ đông/nhóm cổ đông. Giải pháp và kế hoạch khắc phục trong thời gian tới là thảo luận với các cổ đông lơn /nhóm cổ đông nhằm đưa ra giải pháp đảm bảo cơ cấu HĐQT theo quy định.

Phần VI

1. Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**178.678.648.095**	**172.845.158.216**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**779.437.601**	**3.706.398.703**
111	1. Tiền		779.437.601	3.706.398.703
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	4	**138.200.000**	**311.600.000**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		138.200.000	311.600.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**104.748.122.895**	**98.796.880.304**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	77.889.922.400	83.500.037.770
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.242.028.544	150.953.690
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	35.504.928.249	26.034.645.142
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.888.756.298)	(10.888.756.298)
140	**IV. Hàng tồn kho**	9	**73.012.887.599**	**69.976.279.209**
141	1. Hàng tồn kho		73.012.887.599	69.976.279.209
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		-	**54.000.000**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	-	54.000.000
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**7.866.955.970**	**8.544.535.188**
220	**II. Tài sản cố định**		**2.017.563.435**	**2.193.797.229**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.017.563.435	2.193.797.229
222	*- Nguyên giá*		*61.200.023.317*	*61.132.282.590*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(59.182.459.882)*	*(58.938.485.361)*
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	4	**291.702.780**	**138.200.000**
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		291.702.780	138.200.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**5.557.689.755**	**6.212.537.959**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	5.557.689.755	6.212.537.959
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**186.545.604.065**	**181.389.693.404**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**181.507.439.219**	**175.353.321.900**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**181.507.439.219**	**175.353.321.900**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	25.057.413.365	28.548.621.792
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	7.209.178.468	1.484.673.652
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.923.229.235	3.943.939.480
314	4. Phải trả người lao động		3.299.730.377	6.022.305.273
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.925.572.120	3.211.957.580
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	60.270.220.259	50.198.728.728
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	81.714.159.087	81.835.159.087
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		107.936.308	107.936.308
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**5.038.164.846**	**6.036.371.504**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	18	**5.038.164.846**	**6.036.371.504**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		32.651.550.000	32.651.550.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*32.651.550.000*	*32.651.550.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.102.723.500	3.102.723.500
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(30.716.108.654)	(29.717.901.996)
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*(29.717.901.996)*	*(28.225.154.524)*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*(998.206.658)*	*(1.492.747.472)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**186.545.604.065**	**181.389.693.404**

Đỗ Mạnh Thành	**Nguyễn Mạnh Hưởng**	**Hoàng Thế Bình**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20	**48.361.682.955**	**67.939.382.540**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**48.361.682.955**	**67.939.382.540**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	21	**44.798.008.007**	**64.249.948.653**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**3.563.674.948**	**3.689.433.887**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	28.475.394	73.337.149
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4.204.355.825	4.492.023.051
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(612.205.483)**	**(729.252.015)**
31	11. Thu nhập khác	24	27.090.909	200.000.000
32	12. Chi phí khác	25	413.092.084	952.187.857
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(386.001.175)**	**(752.187.857)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(998.206.658)**	**(1.481.439.872)**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	11.307.600
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**(998.206.658)**	**(1.492.747.472)**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	27	**(306)**	**(457)**

Đỗ Mạnh Thành	**Nguyễn Mạnh Hưởng**	**Hoàng Thế Bình**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	*1. Lợi nhuận trước thuế*		*(998.206.658)*	*(1.481.439.872)*
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		522.971.794	1.108.167.635
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(47.566.303)	(1.115.890)
08	*3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		*(522.801.167)*	*(374.388.127)*
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(5.951.242.591)	(4.724.906.699)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.036.608.390)	4.847.365.684
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.969.757.485)	4.492.259.954
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		708.848.204	33.333.333
14	- Tiền lãi vay đã trả		10.244.874.804	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(314.470.786)
20	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*		*(2.526.686.625)*	*3.959.193.359*
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(346.738.000)	(266.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		19.090.909	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(575.693.687)	(449.800.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		595.590.907	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		28.475.394	1.115.890
30	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*		*(279.274.477)*	*(714.684.110)*
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.100.000.000	575.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.221.000.000)	(2.829.000.000)
40	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*		*(121.000.000)*	*(2.254.000.000)*

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
Số 72 E, đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư,
tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		(2.926.961.102)	990.509.249
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		3.706.398.703	2.715.889.454
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	779.437.601	3.706.398.703

Đỗ Mạnh Thành	**Nguyễn Mạnh Hưởng**	**Hoàng Thế Bình**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2026

2. Ý kiến kiểm toán: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

since 1995

Số: 250326.013/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại ngày 31/12/2025, Công ty đang theo dõi một số khoản công nợ trên các khoản mục phải thu, phải trả với giá trị lần lượt tại từng khoản mục như sau:

Khoản mục	Giá trị
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	29.888.211.648 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	150.953.691 VND
Phải thu ngắn hạn khác	666.867.147 VND
Phải trả người bán ngắn hạn	11.047.118.210 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.484.673.652 VND
Phải trả ngắn hạn khác	4.936.466.457 VND

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ tại ngày 31/12/2025 của các khoản công nợ nói trên. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được tính chính xác của số dư các khoản mục nêu trên trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu có liên quan (nếu có) trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

2. Công ty đang theo dõi các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán với tổng dư nợ gốc tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 lần lượt là 29,8 tỷ VND và 46,91 tỷ VND, giá trị đã trích lập dự phòng tương ứng tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 lần lượt là 1,03 tỷ VND và 5,08 tỷ VND. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được các đánh giá về khả năng thu hồi và cơ sở trích lập dự phòng của Công ty đối với các khoản phải thu này tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025. Do đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần phải điều chỉnh chỉ tiêu "Dự phòng phải thu khó đòi" tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 và các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty hay không.

3. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để khẳng định được tính hiện hữu và phù hợp của khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" (Thuyết minh số 09) tại thời điểm 31/12/2025 với tổng số tiền là 68,201 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 68,61 tỷ VND). Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được tính hợp lý của khoản mục này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

4. Tại Thuyết minh số 07 - Phải thu ngắn hạn khác, Công ty đang trình bày lũy kế Chi phí lãi vay từ năm 2023 đến hết năm 2025 của khoản vay ngắn hạn đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình, tại ngày 31/12/2025 với số tiền là 31,56 tỷ VND (tại 01/01/2025 là 21,31 tỷ VND) mà chưa ghi nhận vào Kết quả kinh doanh các năm tương ứng. Điều này làm cho một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh phản ánh chưa phù hợp như sau:

- Trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" (Mã số 136) và Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang được phản ánh cao hơn với cùng số tiền là 31,56 tỷ VND (tại 01/01/2025 là 21,31 tỷ VND).
- Trên Báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" (Mã số 22) đang phản ánh thấp hơn và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (Mã số 60) đang phản ánh cao hơn với cùng số tiền là 10,24 tỷ VND (năm 2024 là 10,5 tỷ VND).

5. Theo thông báo của Bảo hiểm xã hội, Công ty có nghĩa vụ phải trả lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội tại thời điểm 31/12/2025 là 8,03 tỷ VND (tại 01/01/2025 là 7,07 tỷ VND), trong đó lãi phạt chậm nộp phát sinh trong năm 2025 là 0,96 tỷ VND (năm 2024 là 1,13 tỷ VND). Số tiền phạt chậm nộp này chưa được Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025, điều này ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính như sau:

- Trên Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2025, chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" (Mã số 319) đang được phản ánh thấp hơn và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang được phản ánh cao hơn với cùng số tiền là 8,03 tỷ VND (tại 01/01/2025 là 7,07 tỷ VND).
- Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (Mã số 60) trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 đang phản ánh cao hơn số tiền là 0,96 tỷ VND (năm 2024 là 1,13 tỷ VND).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Nguyễn Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5136-2025-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Chi tiết Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama được đăng tải trên website ***http://www.lilamaemc.com.vn***

Ninh Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Hoàng Thế Bình